

Số: 1479 /SGDDT-KHTC
V/v thông báo kết quả thẩm tra chế
độ hỗ trợ học sinh bán trú, hỗ trợ học
phí, hỗ trợ chi phí học tập, chế độ tài
chính đối với học sinh các trường phổ
thông dân tộc nội trú học kỳ II
năm học 2022-2023

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 6 năm 2023

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Trung tâm Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Liên Bộ Tài chính – Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 về Quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 248/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 về Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 4321/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về thực hiện một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non; Quyết định số 3638/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023; Quyết định số 3842/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách học sinh phổ thông hưởng chính sách hỗ trợ bán trú năm học 2022 - 2023; Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung danh sách học sinh phổ thông hưởng chính sách hỗ trợ bán trú năm học 2022 – 2023 theo Nghị định số 116/2016/NĐ-

CP ngày 18/7/2016; Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019; Nghị quyết số 248/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020; Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 1238/SGDĐT-KHTC ngày 09/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tăng cường các giải pháp về thẩm định hồ sơ hỗ trợ chế độ, chính sách cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên và các văn bản liên quan.

Sau khi thẩm tra hồ sơ của các đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo chế độ chính sách học kỳ II năm học 2022 – 2023 (*Theo các phụ lục 01, 02, 03, 04 đính kèm*).

Yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm quy định tại các văn bản nêu trên, đặc biệt lưu ý thực hiện các nội dung sau:

- Chú trọng công tác tuyên truyền chế độ chính sách, lồng ghép trong các buổi sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt lớp, các cuộc họp của nhà trường và cha mẹ học sinh để cán bộ, giáo viên, nhân viên, đặc biệt là gia đình và bản thân đối tượng thụ hưởng hiểu rõ mục tiêu, ý nghĩa của chính sách cũng như nắm bắt được quyền lợi của mình. Tuyên truyền phải được ghi biên bản làm minh chứng phục vụ quản lý và công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền, ngoài ra phải được niêm yết công khai tại nơi thuận tiện để học sinh và cha mẹ học sinh dễ dàng tiếp cận, đồng thời đăng tải trên các trang mạng cộng đồng của nhà trường.

- Thủ trưởng đơn vị và cá nhân liên quan:

- + Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về kết quả xét duyệt chế độ chính sách, chịu trách nhiệm nếu để hình thành lợi ích nhóm, trục lợi chính sách và để xảy ra sai phạm dẫn đến thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước.

- + Thực hiện quy trình hỗ trợ đúng quy định, chi trả đúng, đủ chế độ cho đối tượng thụ hưởng, lập danh sách ký nhận theo đúng mẫu, trường hợp nhận thay phải có giấy uỷ quyền, nếu chuyển khoản phải có sao kê ngân hàng, tuyệt đối không bù trừ làm trái quy định dẫn đến sai phạm.

- Trường hợp thiếu kinh phí do chưa kịp hoàn thiện hồ sơ, do học sinh mới chuyển đến, các trường đề nghị bổ sung vào kỳ tiếp theo, trường hợp thừa kinh phí do học sinh nghỉ học, chuyển đi: các trường công lập huỷ bỏ theo quy định; các trường ngoài công lập báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo và nộp số tiền còn dư vào tài khoản: 3713.0.1043487.00000 của Sở Giáo dục và Đào tạo, mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ninh để hoàn trả ngân sách nhà nước.

- Công khai kết quả thực hiện theo quy định.

- Kinh phí thực hiện: Nguồn sự nghiệp giáo dục năm 2023.

+ Các trường công lập: Sử dụng kinh phí đã được giao dự toán năm 2023 theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo, quyết toán theo quy định.

+ Các trường tư thục: Gửi văn bản đề nghị tạm ứng kinh phí để Sở Giáo dục và Đào tạo chuyển tiền chi trả chế độ cho học sinh theo các văn bản hướng dẫn chỉ đạo, chuyển chứng từ thanh toán về Sở Giáo dục và Đào tạo (Qua phòng Kế hoạch Tài chính) trước ngày 25/06/2023 để quyết toán theo quy định.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, KHTC₀₃.

Người ký: Phạm Thị Hải

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thuý

TT	Tên đơn vị	Số HS	Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
43	TRƯỜNG THPT NGÔ QUYÊN	17	150.000	5	12.750.000	
44	TRƯỜNG THPT HOÀNH BÔ	14	150.000	5	10.500.000	
45	TRUNG TÂM HƯỚNG NGHIỆP VÀ GDTX TỈNH	5	150.000	5	3.750.000	
46	TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG	8	150.000	5	6.000.000	
		1	150.000	4	600.000	NQ21
47	TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN	10	150.000	5	7.500.000	
48	TRƯỜNG THPT BẠCH ĐĂNG	13	150.000	5	9.750.000	
49	TRƯỜNG THPT MINH HẠ	10	150.000	5	7.500.000	
40	TRƯỜNG THPT LÝ THƯỜNG KIỆT	6	150.000	5	4.500.000	
41	TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ	2	150.000	5	1.500.000	NQ21
		15	150.000	5	11.250.000	
42	TRƯỜNG THPT QUẢNG HẠ	62	150.000	5	46.500.000	
		1	150.000	1	150.000	
43	TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS VÀ THPT ĐOÀN THỊ ĐIỂM HẠ LONG	5	150.000	5	3.750.000	

Hỗ trợ quy định theo ND 116/2016/NĐ-CP - Thông tư số 42/2013											Hỗ trợ quy định theo NQ 204/2019/NQ-HĐND; NQ 248/2020/NQ-HĐND					Tổng cộng	Ghi chú
TT	Tên trường	Tiền ăn (đồng)				Tiền ở (đồng)				Cộng	Tiền ăn (đồng)						
		Số HS	Số tháng	Định mức	Thành tiền	Số HS	Số tháng	Định mức	Thành tiền		Số HS	Số tháng	Định mức	Thành tiền			
15	Trường THPT Lê Quý Đôn										67	5	596.000	199.660.000	199.660.000		
16	Trường THPT Lý Thường Kiệt										3	5	596.000	8.940.000	8.940.000		
17	Trường THPT Mông Dương										94	5	596.000	280.120.000	280.120.000		
											3	9	596.000	16.092.000	16.092.000		
18	Trường THPT Quảng Hà	1	1	596.000	596.000					596.000	29	5	596.000	86.420.000	87.016.000		
		42	5	596.000	125.160.000	27	5	149.000	20.115.000	145.275.000					145.275.000		
19	Trường THPT Quảng La	4	5	596.000	11.920.000	4	5	149.000	2.980.000	14.900.000	29	5	596.000	86.420.000	101.320.000		
		19	5	596.000	56.620.000	19	5	149.000	14.155.000	70.775.000	153	5	596.000	455.940.000	526.715.000		
20	Trường THPT Tiên Yên										1	2	596.000	1.192.000	1.192.000		
21	Trường THPT Trần Phú	2	5	596.000	5.960.000	2	5	149.000	1.490.000	7.450.000	125	5	596.000	372.500.000	379.950.000		
22	Trường THPT Cẩm Phả	1	9	1.192.000	10.728.000					10.728.000					10.728.000	Khoản 1, Điều 7, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDDT-BLĐTBXH-BTC của Bộ trưởng Bộ GDĐT, Bộ trưởng Bộ LĐTB và XH, Bộ trưởng Bộ TC quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật	